



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Địa chỉ: Tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3791 1818 / Fax: 04. 3791 5808

Website: www.japan-sec.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014

Theo mẫu tại **Phụ lục số II** ban hành theo **Thông tư số 52 /2012/TT-BTC** ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: JAPAN SECURITIES INCORPORATED
- Tên viết tắt: JSI
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2014): 41.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi một tỷ đồng./.)
- Vốn chủ sở hữu (tính đến 31/12/2014): 38.613.952888 VNĐ (Ba mươi tám tỷ sáu trăm mười ba triệu chín trăm năm hai ngàn tám trăm tám mươi tám đồng chẵn./.)
- Địa chỉ: Tầng 3&7, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-3791.1818 Fax: 84-4-3791.5808
- Website: www.japan-sec.vn Email: info@japan-sec.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16 tháng 1 năm 2009 với tên Công ty CP Chứng khoán Hoa Anh Đào, có trụ sở chính tại tầng 3&7, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty được thành lập bởi Tổng công ty Viglacera và có sự tham gia của các cổ đông Nhật Bản là Công ty Chứng khoán Aizawa, Công ty Japan Asia Holdings và Công ty Đầu tư Tanamark với tổng vốn điều lệ là 41.000.000.000 VND.

Các sự kiện nổi bật trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Thời gian	Sự kiện
16/01/2009	Công ty chính thức được cấp giấy phép thành lập với tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào
20/05/2009	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Yokoyama Norio
22/05/2009	Chứng nhận công ty là thành viên lưu ký chứng khoán
30/06/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
10/07/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

20/10/2009	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
13/01/2010	Kết nối giao dịch với sàn UpCOM
11/03/2010	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản
12/04/2010	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
21/01/2011	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Hiramoto Hiroshi
07/06/2011	Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
01/08/2012	Chính thức cung cấp dịch vụ Giao dịch ký quỹ
05/02/2015	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Atsuhiko Haruyama

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

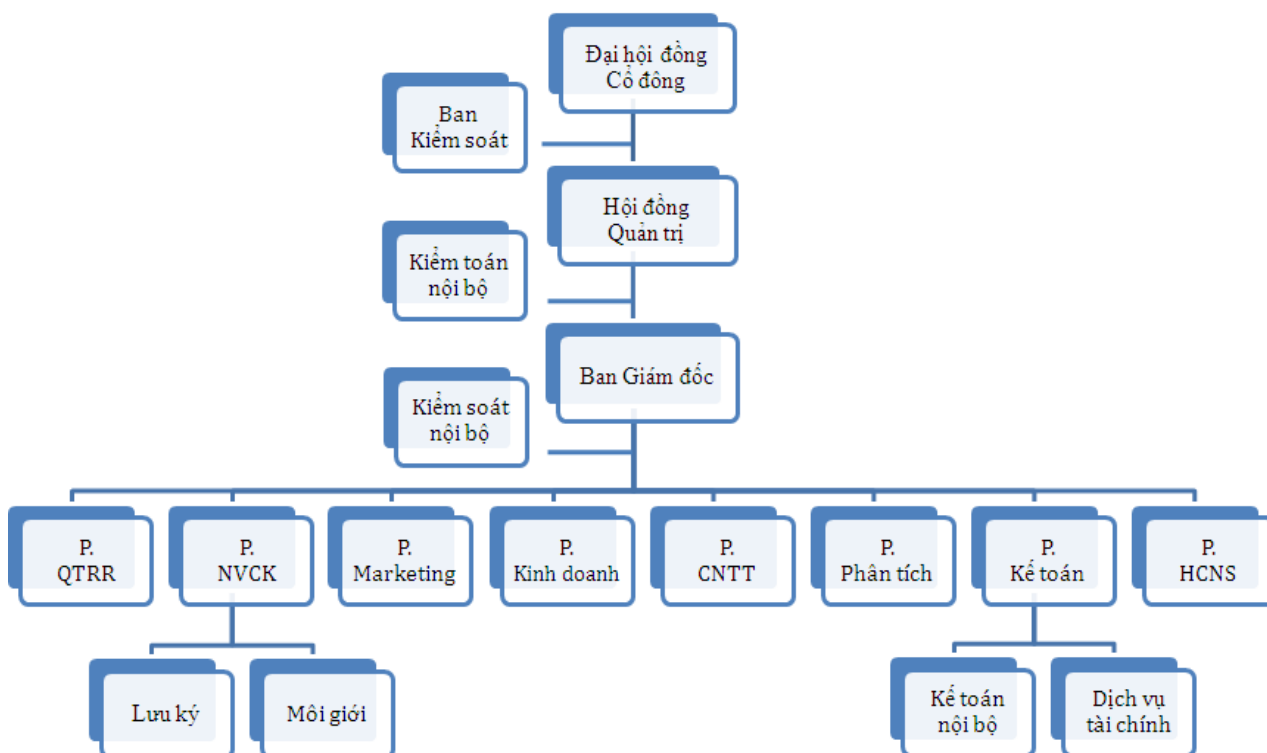
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Hoạt động môi giới chứng khoán;
 - Hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - Hoạt động tư vấn đầu tư;
 - Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
 - Hà Nội và các tỉnh lân cận;
 - Nhật Bản.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng Ban nghiệp vụ và một số tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát nội bộ).
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:
 - Hội đồng Quản trị điều hành chỉ đạo về mặt chủ trương, định hướng trung hạn, dài hạn cho toàn Công ty;

- Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền;
 - Các Trưởng Phòng Ban trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với mọi hoạt động của các phòng ban đó;
 - Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoạt động độc lập và chuyên trách có trách nhiệm hỗ trợ Ban điều hành trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của Công ty được thực hiện một cách chính xác, hạn chế những rủi ro không đáng có phát sinh trong quá trình tác nghiệp.
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.
- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty, Ban Giám đốc đã ban hành các quy trình công việc cụ thể cho từng đầu việc, phòng ban, giúp thực hiện công tác quản lý, quản trị nhân sự được thuận lợi. Các quy trình này thường xuyên được các phòng ban cập nhật, hoàn thiện, cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại từng thời điểm.

Cơ cấu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (cập nhật tại ngày 31/12/2014) được tổ chức như sau:



5. Định hướng phát triển

- Là công ty chứng khoán đầu tiên ở Việt Nam có sự tham gia điều hành của chuyên gia Nhật Bản và rất có lợi thế trong việc thu hút khách hàng Nhật, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản vẫn tiếp tục hướng tới mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán cho khách hàng nước ngoài (đặc biệt là khách hàng tại Nhật Bản) và sẽ trở thành cầu nối giữa thị trường vốn Việt Nam và nhà đầu tư Nhật Bản.
- Triết lý kinh doanh của chúng tôi là:
 - Trung thực và Tin cậy;
 - Ổn định và Chất lượng;
 - Phát triển và Cống hiến.
- Trong trung và dài hạn, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản tập trung vào các chiến lược và phương pháp sau đây:
 - Triển khai chiến dịch marketing để tăng khách hàng tổ chức nước ngoài;
 - Thành lập đội ngũ kinh doanh nhằm tiếp cận các tài khoản lớn, bao gồm cả các tài khoản tổ chức trong nước;
 - Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến cho các tài khoản cá nhân;
 - Nâng cao hiệu quả của hệ thống công nghệ thông tin;
 - Thành lập nhóm nghiên cứu khác để mở rộng phạm vi khách hàng;
 - Triển khai hoạt động marketing để phát triển hoạt động kinh doanh các sản phẩm quỹ đầu tư (quỹ mở trái phiếu, cổ phiếu và bất động sản).

6. Các rủi ro:

- Công ty chứng khoán thuộc dạng công ty thành lập có điều kiện và được xếp vào diện các định chế tài chính dù với quy mô như thế nào. Do vậy, ở công ty chứng khoán, các rủi ro luôn tiềm ẩn. Ở Công ty cổ phần chứng khoán Nhật bản, việc đối diện và phòng ngừa các rủi ro luôn được sự quan tâm đặc biệt của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty.
- Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:
 - Rủi ro thị trường: là rủi ro mà giá trị hợp lý các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...
 - Rủi ro thanh toán: là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán ở JSI liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình

kiểm soát của công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh toán từ hoạt động giao dịch cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.

- Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.
- Rủi ro pháp luật: Các văn bản pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán thường xuyên được thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán. Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Ngoài ra, công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó, việc tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp cũng được Ban Giám đốc công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ đó đã giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.
- Rủi ro hoạt động: là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người trong quá trình tác nghiệp ... Để giảm thiểu các rủi ro này, JSI đã xây dựng quy trình nghiệp vụ cụ thể đến từng phòng nghiệp vụ và phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty. Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận bàn ra phương hướng giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Thực tế, các rủi ro hoạt động ở JSI cũng đã được hạn chế ở mức tối đa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2014, hoạt động kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản có những điểm nổi bật như sau:
 - 2014 là một năm không thuận lợi trong việc mở rộng thị phần khách nước ngoài cũng như thúc đẩy giao dịch của phân khúc khách hàng này. Phần doanh thu thu được từ các nhà đầu tư nước ngoài là 4,4 tỷ, mức doanh thu này tiếp tục giảm so với năm 2013, và trở thành một đặc điểm nổi bật của năm 2013 & 2014.
 - Trong khi đó, phần doanh thu này từ các nhà đầu tư trong nước là 5.0 tỷ đồng.

- Kết thúc năm tài chính 2014, JSI bắt buộc phải trích lập dự phòng cho khoản phải thu dài hạn liên quan đến mã chứng khoán SVN ở mức 4,9 tỷ đồng. Theo đó, kết quả kinh doanh của năm 2014 bị thâm hụt khoảng hơn 3 tỷ đồng.
- Theo đó, kết quả kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản đạt được cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo tài chính
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	20.463
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	23.523
3	Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	Triệu đồng	1.917
4	Lợi nhuận sau trích lập dự phòng	Triệu đồng	-3.058
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-3.058

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ: (Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	2013	2012	Tỷ lệ
Tổng thu nhập	20.512	20.464	100%	16.529	20.464	124%
Tổng chi phí	16.243	23.523	145%	15.073	23.523	123%
Lợi nhuận gộp	4.269	-3.058	-72%	1.079	-3.058	-283%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Tổng Giám đốc	Atsuhiko Haruyama	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 06/02/1955 • Quốc tịch: Nhật Bản • Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1979 - 2013: Công ty Nomura tại Nhật Bản ○ 08/2013 – nay: Công ty Chứng khoán Japan Asia ○ 02/2014 – nay: TGD Công ty Chứng khoán Nhật Bản tại Việt Nam 	0%

<p>Phó Tổng Giám đốc</p>	<p>Dương Thị Thu Thủy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 10/01/1974 • Quốc tịch: Việt Nam • Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1995 - 2002: Công ty Mitsui ○ 01/2007 – 06/2007: Công ty Chứng khoán Apec ○ 07/2007 – 02/2009: Công ty Chứng khoán Trường Sơn ○ 02/2009 – 09/2010: VPDD Japan Asia Holdings Limited tại Việt Nam ○ 10/2010 – 03/2014: VPDD Japan Asia (Japan) Holdings Limited tại Việt Nam ○ 04/2014 – nay: Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản 	<p>1%</p>
<p>Kế toán trưởng</p>	<p>Đoàn Thị Hồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 18/06/1974 • Quốc tịch: Việt Nam • Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1997 – 2006: Cty NCI Việt Nam ○ 2006 – 2009: Cty Noble Electronics Việt Nam ○ 8/2009 – nay: Công ty Chứng khoán Nhật Bản 	<p>0%</p>

- Thay đổi trong ban điều hành: về cơ cấu, Ban Giám đốc Công ty vẫn giữ nguyên số lượng: 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc. Tuy nhiên, do điều kiện khách quan cũng như yêu cầu thực tế, Công ty thay đổi toàn bộ Ban Giám đốc, cụ thể như sau:
 - Ngày 15/02/2014, Công ty đã miễn nhiệm bà Trần Thị Mai khỏi vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách thị trường nội địa và quản trị rủi ro. Đến tháng 4/2014, Công ty tuyển dụng bà Dương Thị Thu Thủy vào vị trí trợ lý Tổng Giám đốc với nhiệm vụ chính là phụ trách thị trường nội địa và hỗ trợ Tổng Giám đốc các công tác điều hành khác. Sau 3 tháng nhận nhiệm vụ, vào quý 2/2014, bà Thủy đã đưa doanh thu nội địa cao gấp rưỡi kế hoạch đề ra và tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2013. Do đó, ngày 01/07/2014, Hội đồng Quản trị chính thức tuyển dụng bà Dương Thị Thu Thủy vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty.
 - Cuối năm 2014, do phía Nhật Bản điều động ông Hiramoto Hiroshi về nước nhận nhiệm vụ mới, nên đã cử ông Atsuhiko Haruyama sang làm Tổng Giám đốc tại Công ty Chứng khoán Nhật Bản. Ông Haruyama với hơn 40 năm kinh nghiệm quản lý trong ngành tài chính tại Nhật Bản, đã từng làm việc tại Anh Quốc, Hồng Kông, Hội đồng Quản trị Công ty hoàn toàn tin tưởng vào khả

năng, năng lực cũng như kinh nghiệm của ông Haruyama trong việc lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản phát triển mở rộng và lớn mạnh hơn nữa trong tương lai gần. Ngày 05/02/2015, ông Haruyama đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức chấp thuận trở thành Tổng Giám đốc của Công ty Chứng khoán Nhật Bản.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

BỘ PHẬN	Tính đến 31/12/2014
Ban Giám đốc	2
Phòng QTRR	1
Phòng Môi giới	8
Phòng Kinh doanh	6
Phòng Marketing	2
Phòng Phân tích	4
Phòng kế toán	6
Phòng IT	2
Phòng HCNS	4
TỔNG CỘNG	35

- Chính sách lương: Công ty đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ về lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, người lao động còn được hưởng thưởng/phụ cấp theo năng suất và hiệu quả công việc đối với một số vị trí quản lý;
- Chính sách khen thưởng, phúc lợi: Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Các chế độ thưởng cụ thể năm 2014 như sau:
 - Thưởng lương 13;
 - Thưởng cá nhân tiêu biểu, xuất sắc;
 - Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết;
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 được sử dụng để tổ chức cho toàn bộ người lao động trong công ty đi tham quan du lịch và nghỉ mát.

- Chế độ bảo hiểm xã hội: Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty tuân thủ theo đúng qui định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động trong Công ty.
- Chính sách khác:
 - Thực hiện đầy đủ các qui định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
 - Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) *Các khoản đầu tư lớn:* không có.
- b) *Các công ty con, công ty liên kết:* không có.

4. Tình hình tài chính:

a) *Tình hình tài chính*

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	60.815.841.858	71.114.531.687	85.5
Doanh thu thuần	20.463.127.780	16.529.930.826	123.79
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	(3.060.022.908)	1.456.047.299	-210
Lợi nhuận khác	1.400.000	0	
Lợi nhuận trước thuế	(3.058.622.908)	1.456.047.299	-210
Lợi nhuận sau thuế	(3.058.622.908)	1.092.035.474	-280
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(746)	266	-280

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2.59	2.22	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2.59	2.22	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.37	0.40	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.57	0.66	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.34	0.23	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0.15	0.07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.08	0.03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.05	0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.15	0.09	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 4.100.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Cổ phiếu thường: 4.100.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ);
- Cổ phiếu ưu đãi: không có;
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.100.000 cổ phiếu;
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: không có.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VNĐ)
1	Tổ chức	59 %	24.190.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49 %	20.090.000.000
	Tổ chức Việt nam	10 %	4.100.000.000
	Cá nhân	41%	16.810.000.000
2	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0%	0
	Cá nhân Việt nam	41%	16.810.000.000
	Trong nước	51%	20.910.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
Tổ chức trong nước	10%	4.100.000.000	
Cá nhân trong nước	41%	16.810.000.000	
Nước ngoài	49%	20.090.000.000	
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49%	20.090.000.000
Cá nhân nước ngoài	0%	0	

3	Phân loại khác		
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần của công ty trở lên. Trong đó:	82,62%	33.874.200.000
	Tổ chức trong nước (1 tổ chức)	10%	4.100.000.000
	Tổ chức nước ngoài (3 tổ chức)	49%	20.090.000.000
	Cá nhân trong nước (4 cá nhân)	23,62%	9.684.200.000
	Cá nhân nước ngoài (0 cá nhân)	0%	0
	Cổ đông Nhà nước	0%	0

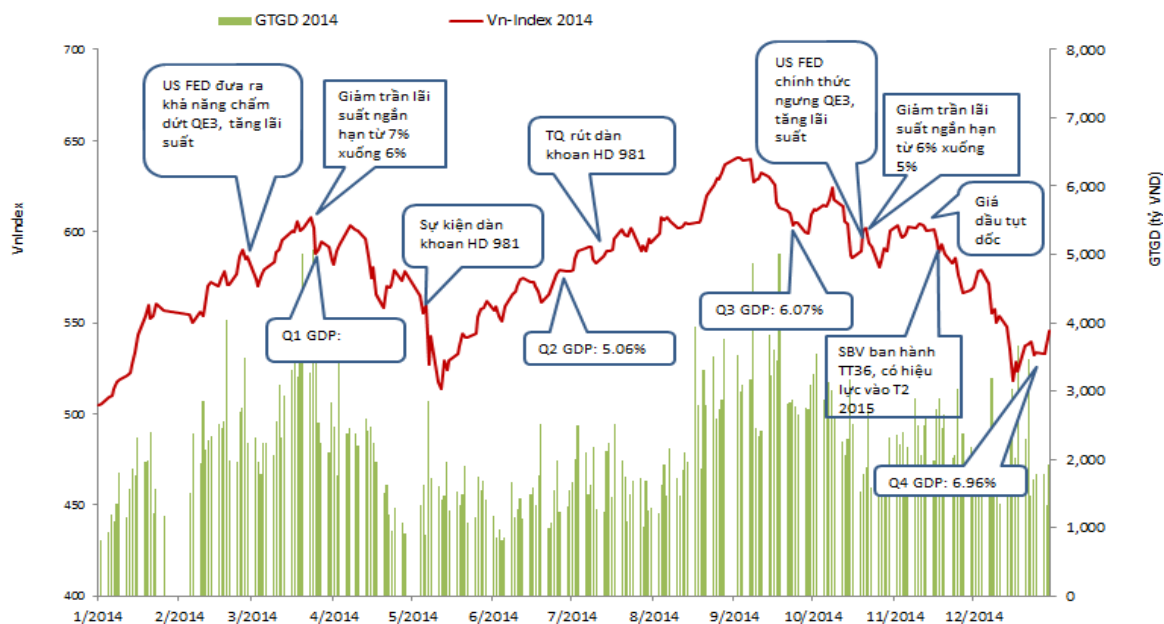
- c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có.
- d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có.
- e) **Các chứng khoán khác:** không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2014 cũng là một năm thăng trầm của TTCK Việt Nam với sự kiện tranh chấp biển Đông với Trung Quốc, và tác động của giá dầu lên cổ phiếu dòng dầu khí nói riêng và toàn thị trường nói chung. Tuy vậy, nhìn chung, chỉ số VN-Index tăng 8.1% so với năm 2013 trong khi HNX-Index tăng 22.4%. TTCK Việt Nam cũng được xếp hạng 32 trong số các TTCK có mức tăng trưởng tốt do hãng truyền thông CNN công bố. Vốn hóa toàn thị trường đạt 1.128 nghìn tỷ (tương đương 52.7 tỷ USD), cao hơn 18% so với năm 2013 và tương ứng với 31.5% của GDP cả nước. Bình quân giao dịch của cả 2 sàn đạt khoảng 2.900 tỷ, gần gấp đôi so với năm trước.

Diễn biến chỉ số VN-Index năm 2014



Mặc dù thị trường chung có những diễn biến tích cực, nhưng từ 2013 đến 2014 thị trường chứng khoán Nhật và Mỹ tăng trưởng rất tốt, nên nhà đầu tư Nhật bản giảm dần giao dịch tại Việt nam chuyển về Nhật và Mỹ. Điều này khiến cho doanh thu môi giới nước ngoài của JSI giảm mạnh từ đầu 2013 đến hết 2014. Đặc biệt từ 2/5/2014 sau sự kiện Trung quốc đưa giàn khoan ra Biển Đông, khách Nhật thận trọng không giao dịch chứng khoán Việt nam, dẫn đến JSI không đạt kế hoạch doanh thu môi giới nước ngoài trong năm 2014, từ đó JSI không đạt kế hoạch doanh thu cả năm.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Ghi nhận ban đầu

- Tài sản tài chính của công ty bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.
- Tiền và các khoản tương đương tiền : Bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian không quá 03 tháng, có tính thanh khoản, có khả năng chuyển đổi thành tiền.
- Các khoản phải thu: Được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ sau khi được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Các khoản phải thu khó đòi trích lập căn cứ vào nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.
- Tài sản cố định và khấu hao tài sản: TSCD hữu hình và TSCD vô hình được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

b) Tình hình nợ phải trả

- Chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh trừ đi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay theo quy định.
- Chi phí trả trước : được phân bổ vào chi phí trong năm tài chính và được phân bổ vào niên độ kinh doanh theo quy định.
- Chi phí phải trả: Các khoản thực tế chưa phát sinh nhưng tính trực tiếp vào chi phí thực tế trong năm để đảm bảo không gây đột biến, phù hợp với nguyên tắc doanh thu và chi phí.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán

Tăng cường và mở rộng hoạt động môi giới trong và ngoài nước.

b) Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ chứng khoán, đảm bảo thỏa mãn yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt khách hàng tổ chức Nhật bản.

c) Hoạt động nghiên cứu phân tích

Thay đổi toàn bộ nhân sự phòng nghiên cứu phân tích với các nhân sự mới có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý quỹ, kiểm toán...Tăng thêm số lượng báo cáo chiến lược, báo cáo công ty niêm yết, báo cáo tình hình thị trường cho khách hàng tổ chức Nhật bản.

d) Hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Thay đổi nhân sự phụ trách quản trị rủi ro từ tháng 2/2014, tăng cường rà soát qui trình và kiểm tra chặt chẽ hạn chế rủi ro trong công ty. Đầu năm 2015 thay đổi sơ đồ tổ chức, đưa bộ phận kiểm soát nội bộ lên trên các phòng ban nghiệp vụ, để đảm bảo tính khả thi của việc kiểm soát nội bộ được tiến hành hiệu quả.

e) Hoạt động tổ chức nhân sự và chế độ tiền lương

Khuyến khích toàn thể nhân viên công ty tham gia học và thi chứng chỉ hành nghề chứng khoán, có chế độ hỗ trợ chi phí và thời gian học tập.

f) Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2015 và những năm tới, Công ty định hướng tập trung phát triển mạnh khách hàng tổ chức Nhật bản, đặc biệt là các công ty quản lý quỹ và công ty chứng khoán. Công ty tích cực triển khai marketing tại Nhật hướng vào các đối tượng khách hàng trên. Về mặt công nghệ, Công ty triển khai nhận lệnh tự động qua hệ thống Bloomberg dành cho khách hàng nước ngoài trong 2015.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Kết quả kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản năm 2014 không đạt được kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông. Kết quả kinh doanh năm 2014, JSI đạt mức lợi nhuận là 1,9 tỷ lợi nhuận trước thuế. Kế hoạch kinh doanh ban đầu của năm 2014 JSI đã đặt ra là 4,27 tỷ lợi nhuận trước thuế. Như vậy, so với kế hoạch, công ty chỉ đạt được 45%.

Tuy nhiên, do JSI bắt buộc phải trích lập dự phòng cho khoản phải thu dài hạn liên quan đến mã chứng khoán SVN. Vì vậy, kết quả kinh doanh của năm 2014 bị thâm hụt khoảng hơn 3 tỷ đồng. Cụ thể:

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Báo cáo tài chính
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	60.815
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	20.463
3	Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	Triệu đồng	1.917
4	Lợi nhuận sau trích lập dự phòng	Triệu đồng	-3.058
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-3.058

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo định hướng của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị. Cụ thể:

- Tích cực triển khai các phương án, giải pháp thúc đẩy thị trường;
- Nỗ lực tìm kiếm các sản phẩm để đa dạng hóa dịch vụ nhằm thu hút khách hàng và tăng uy tín cho Công ty;
- Liên tục cập nhật bổ sung dữ liệu điện tử, làm phong phú các nội dung website, đảm bảo nhu cầu tìm hiểu thông tin của khách hàng bằng cả 3 ngôn ngữ: Việt, Nhật, Anh;
- Tiếp tục nâng cấp phần mềm để tạo tiện ích tối đa cho khách hàng đồng thời nâng cao chất lượng quản lý và sử dụng của người sử dụng trong công ty;
- Hoàn thiện cơ sở thông tin cung cấp cho khách hàng thông qua các báo cáo ngày, tuần, tháng, quý, năm cho các khách hàng hiện tại và tiềm năng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với mục tiêu lành mạnh hóa hoạt động, Hội đồng Quản trị chỉ đạo và định hướng chiến lược phát triển Công ty để đảm bảo các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh như Đại hội đồng Cổ đông giao phó. Định hướng tập trung vào các mảng chính như sau:

- (1) tập trung nguồn lực và nhân sự vào việc tìm kiếm và phục vụ giao dịch cho nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài, đồng thời vẫn tiếp tục phát triển các khách hàng trong nước;
- (2) thắt chặt quản trị rủi ro để hạn chế những bất lợi có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng như tối đa hóa hiệu quả hoạt động vốn, đồng thời kiểm soát tốt các quy trình công việc nội bộ;
- (3) đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;

- (4) tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong công tác tìm kiếm khách hàng và điều hành nhân sự;
- (5) tuyển dụng, đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân sự, đặc biệt là nhóm nhân sự kinh doanh và các nhân sự chủ chốt, triển khai các mục tiêu phát triển cũng như kế hoạch kinh doanh của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Lê Minh Tuấn	10%	Thành viên không điều hành	1
2	Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	6%	Thành viên không điều hành	1
3	Nguyễn Thị Hồng Hà	6%	Thành viên không điều hành	1
4	Aizawa Motoya	14,5%	Thành viên không điều hành	1
5	Kyu Seihin	20%	Thành viên không điều hành	1
6	Hiramoto Hiroshi	14,5%	Thành viên điều hành	1

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ban Kiểm toán nội bộ trực tiếp trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc, có trách nhiệm báo cáo các nội dung kiểm soát tới Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác tổ chức nhân sự: Công ty đã ổn định được cơ cấu tổ chức, nhân sự, vận hành phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế làm việc và phối hợp giữa HĐQT với Ban giám đốc;
- Hoạt động giám sát của HĐQT Công ty đối với Ban Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ công ty và các quy định phân cấp phân quyền nội bộ, phù hợp với qui định

của pháp luật nói chung và của ngành chứng khoán nói riêng. HĐQT thực hiện các nhiệm vụ giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của các tiểu ban trực thuộc, HĐQT thông qua các báo cáo định kỳ và bất thường bằng văn bản hoặc trực tiếp để thực hiện việc giám sát đối với Ban Giám đốc một cách chặt chẽ và sát sao;

- HĐQT thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ Ban Kiểm soát thuộc Đại hội đồng Cổ đông, đồng thời kịp thời có các biện pháp chỉ đạo Ban Giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực tài chính/nhân sự cho các hoạt động của Công ty;
- Duy trì chế độ họp thường kỳ hàng Quý để định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh và công tác điều hành của Ban giám đốc Công ty phù hợp với định hướng phát triển của công ty và theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ngoại trừ ông Hiramoto Hiroshi nắm chức vụ Tổng Giám đốc trong năm 2014, các thành viên Hội đồng quản trị khác đều không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Tuy vậy, với việc tiếp tục duy trì chế độ họp thường kỳ hàng Quý cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác, các thành viên Hội đồng quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc tiến hành kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như các quy định nội bộ Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động. Trong năm 2014, ban KSNB đã hỗ trợ HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện các qui trình nghiệp vụ nội bộ, việc thực hiện công tác quản trị rủi ro tại các bộ phận nghiệp vụ, và các công việc khác theo qui định tại thông tư 210/2012/TT-BTC.
- Ban Kiểm toán nội bộ đã tích cực phát huy vai trò của mình trong việc hỗ trợ Hội đồng Quản trị kiểm tra, xem xét và đánh giá các hoạt động của Công ty về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Cùng với đó, ban Kiểm toán nội bộ thực hiện độc lập các đánh giá về kiểm toán của Công ty nhằm đảm bảo tính trung thực và khách quan của các báo cáo này.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Trần Thị Lam	Trưởng ban	0,02%
2	Đặng Thị Thanh Huyền	Ủy viên	0,49%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, các quy định và qui trình nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ và tài chính của Công ty;
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh từng tháng, quý do Ban Giám đốc và phòng Kế toán Công ty cung cấp; và báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC);
- Phối hợp với HĐQT và Ban điều hành Công ty tham gia vào quá trình giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.
- Phân tích các chỉ số tài chính và đưa ra những kiến nghị kịp thời nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và giám sát việc sử dụng chi phí một cách hợp lý.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Theo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2013, Công ty trích 5% lợi nhuận sau thuế trả cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát theo quy định. Số tiền thù lao này thực tế chi trả vào năm 2014.


b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:



Số: 263 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản được lập ngày 20 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên



Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam  A member of  international

aasc.com.vn HANG KIEM TOAN AASC

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2013. Đến ngày 31/12/2014, khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty không bị sụt giảm giá trị so với giá thị trường nên Công ty không còn phải trích lập dự phòng đối với khoản này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN		Báo cáo tài chính		
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		57.585.404.606	62.820.145.763
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.665.361.117	8.744.643.554
111	1. Tiền		22.665.361.117	8.744.643.554
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	6.215.395.742	34.130.954.463
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6.215.395.742	34.130.954.463
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	27.879.892.588	19.357.892.964
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		27.619.604.054	19.109.663.686
138	5. Các khoản phải thu khác		320.572.511	290.428.062
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(60.283.977)	(42.198.784)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		824.755.159	586.654.782
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	487.931.422	435.751.356
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	296.622.237	64.789.926
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	40.201.500	86.113.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.230.437.252	8.294.385.924
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	10	1.781.250.000	6.764.787.136
218	4. Phải thu dài hạn khác		6.756.887.136	6.764.787.136
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(4.975.637.136)	-
220	II. Tài sản cố định		709.379.931	907.466.628
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	309.261.619	494.818.591
222	- Nguyên giá		2.823.612.955	2.930.333.311
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.514.351.336)	(2.435.514.720)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	400.118.312	412.648.037
228	- Nguyên giá		2.459.892.220	2.235.072.420
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.059.773.908)	(1.822.424.383)
260	V. Tài sản dài hạn khác		739.807.321	622.132.160
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		30.469.832	68.339.483
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	639.313.101	483.768.289
268	4. Tài sản dài hạn khác		70.024.388	70.024.388
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		60.815.841.858	71.114.531.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		22.201.888.970	28.291.381.734
310	I. Nợ ngắn hạn		22.201.888.970	28.291.381.734
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	8.956.500.000	13.358.498.481
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	250.172.403	183.245.827
315	5. Phải trả người lao động		177.806.000	492.082.369
316	6. Chi phí phải trả	16	772.374.300	764.503.357
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	12.045.036.267	13.493.051.700
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.613.952.888	42.823.149.953
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	38.613.952.888	42.823.149.953
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		325.801.831	261.727.674
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		344.013.296	279.939.139
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.055.862.239)	1.281.483.140
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		60.815.841.858	71.114.531.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN


Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội


Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
006	6. Chứng khoán lưu ký	200.450.040.000	169.402.640.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	196.847.060.000	158.539.800.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	121.671.620.000	84.265.820.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	75.175.440.000	74.273.980.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	3.595.500.000	10.441.550.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	3.351.500.000	10.441.050.000
030	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	244.000.000	500.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	7.480.000	421.290.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	1.000.000	180.370.000
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	6.480.000	240.920.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	1.813.420.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	1.813.420.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	1.708.840.000
059	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	104.580.000


Khổng Thị Hương
Người lập


Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng


Atsuhiko Haruyama
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu	19	20.463.127.780	16.529.930.826
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9.525.767.077	9.266.074.074
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		48.749.713	30.019.472
01.9	Doanh thu khác		10.888.610.990	7.233.837.280
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	20.463.127.780	16.529.930.826
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	13.183.703.497	9.645.259.720
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		7.279.424.283	6.884.671.106
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	10.339.447.191	5.428.623.807
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.060.022.908)	1.456.047.299
31	8. Thu nhập khác		1.400.000	-
40	10. Lợi nhuận khác		1.400.000	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.058.622.908)	1.456.047.299
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	364.011.825
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(3.058.622.908)</u>	<u>1.092.035.474</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(746)	266


Khổng Thị Hương
Người lập


Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Atsuhiko Haruyama
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(3.058.622.908)	1.456.047.299
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		422.906.497	386.207.186
03	- Các khoản dự phòng		4.993.722.329	12.056.795
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.528.026.046)	(4.389.395.108)
06	- Chi phí lãi vay		1.658.906.505	1.199.843.183
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		488.886.377	(1.335.240.645)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.877.962.967)	(7.816.155.698)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(390.458.823)	2.589.795.537
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(14.310.415)	38.373.426
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.637.394.392)	(1.188.229.820)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(231.832.311)	(301.202.092)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		230.522.335	722.799.454
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.157.981.361)	(1.872.778.003)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.590.531.557)	(9.162.637.841)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(979.469.312)	(214.070.700)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(33.275.617.092)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	30.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.709.181.533)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.668.989.813	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.019.408.633	4.737.200.660
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30.999.747.601	1.247.512.868
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		309.498.635.054	130.307.405.932
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(313.900.633.535)	(127.283.762.222)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.086.500.000)	(1.669.417.212)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.488.498.481)	1.354.226.498

(1)
CỘNG
- NHẬT
3 K
A
3
/ 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		13.920.717.563	(6.560.898.475)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.744.643.554	15.305.542.029
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>22.665.361.117</u>	<u>8.744.643.554</u>



Khổng Thị Hương
Người lập



Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Atsuhiko Haruyama
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

105
3 T
V H
C M
. S
14

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2014

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	261.727.674	64.074.157	-	325.801.831
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	279.939.139	64.074.157	-	344.013.296
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.281.483.140	(3.058.622.908)	(1.278.722.471)	(3.055.862.239)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	42.823.149.953	(2.930.474.594)	(1.278.722.471)	38.613.952.888

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	147.387.195	114.340.479	-	261.727.674
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	165.598.660	114.340.479	-	279.939.139
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.286.809.582	1.092.035.474	(2.097.361.916)	1.281.483.140
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	43.599.795.437	1.320.716.432	(2.097.361.916)	42.823.149.953



Khổng Thị Hương
Người lập



Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Atsubiko Haruyama
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011 và Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 02 năm 2015.

Trụ sở của Công ty tại: Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 41.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 41.000.000.000 đồng; tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;
- Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

2.14 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.15 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của người đầu tư	244.609.870	3.593.444.108.980
- Cổ phiếu	244.609.870	3.593.444.108.980
	244.609.870	3.593.444.108.980

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	10.716.670.692	453.863.776
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	11.948.690.425	8.290.779.778
	<u>22.665.361.117</u>	<u>8.744.643.554</u>

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	6.215.395.742	34.130.954.463
Tiền gửi có kỳ hạn	-	30.000.000.000
Vốn ủy thác đầu tư (1)	6.215.395.742	4.130.954.463
	<u>6.215.395.742</u>	<u>34.130.954.463</u>

(1) Khoản ủy thác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB theo 2 hợp đồng quản lý danh mục đầu tư sau:

* Hợp đồng quản lý danh mục ủy thác đầu tư số 02.0413/QLDMDT/MBCapital-JSI giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB. Tại ngày 31/12/2014 chi tiết tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản trên tài khoản ủy thác đầu tư như sau:

Tiền mặt: 9.987.062 đồng

Danh mục đầu tư:

STT	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá mua	Giá thị trường	Tăng so với giá thị trường
1	VND	19.500	198.920.517	245.700.000	46.779.483
			<u>198.920.517</u>	<u>245.700.000</u>	<u>46.779.483</u>

* Hợp đồng quản lý danh mục ủy thác đầu tư số 02.0414/QLDMDT/MBCapital-JSI ngày 15/04/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB, thời gian ủy thác 02 năm. Tại ngày 31/12/2014 chi tiết tài sản của trên tài khoản ủy thác đầu tư như sau:

Tiền mặt: 6.488.163 đồng

Danh mục đầu tư:

STT	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá mua	Giá thị trường	Tăng/ giảm so với giá thị trường
1	MBVF	536.699	6.000.000.000	6.029.276.454	29.276.454
			<u>6.000.000.000</u>	<u>6.029.276.454</u>	<u>29.276.454</u>

Giá thị trường là giá lấy theo báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2014 của Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư MB đối với Quỹ đầu tư giá trị MB Capital do Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (VN) làm giám sát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2014			Số phát sinh trong năm		31/12/2014			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	19.109.663.686	-	-	1.425.887.661.833	1.417.377.721.465	27.619.604.054	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	174.985.621	-	-	9.217.645.448	9.185.689.650	206.941.419	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin của khách hàng trong nước	17.944.804.835	-	-	928,964,506.017	923.520.061.656	23.389.249.196	-	-	-
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	989.873.230	-	-	487.705.510.368	484.671.970.159	4.023.413.439	-	-	-
Các khoản phải thu khác	290.428.062	60.283.977	-	4.981.193.022	4.951.048.573	320.572.511	60.283.977	-	(60.283.977)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	182.333.338	-	-	2.190.888.891	2.373.222.229	-	-	-	-
- Phải thu khác	108.094.724	60.283.977	-	2.790.304.131	2.577.826.344	320.572.511	60.283.977	-	(60.283.977)
	19.400.091.748	60.283.977	-	1.430.868.854.855	1.422.328.770.038	27.940.176.565	60.283.977	-	(60.283.977)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	435.751.356	463.696.836
Tăng trong năm	2.767.599.947	2.065.735.646
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(2.715.419.881)	(2.093.681.126)
Tại ngày 31/12	487.931.422	435.751.356
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.240.909	10.000.000
Tiền thuê nhà, thuê văn phòng	280.017.600	279.662.850
Chi phí dịch vụ trả trước	180.799.489	129.129.682
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.873.424	16.958.824
	487.931.422	435.751.356

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	296.622.237	64.789.926
	296.622.237	64.789.926

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	40.201.500	86.113.500
	40.201.500	86.113.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	01/01/2014		Số phát sinh trong năm		31/12/2014			Tổng số dự phòng đã lập (*)	
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn		Số khó đòi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Phải thu dài hạn khác	6.764.787.136	6.764.787.136	-	-	7.900.000	6.756.887.136	6.764.787.136	-	(4.975.637.136)
- Phải thu Ông Vũ Mạnh Hùng	4.854.717.416	4.854.717.416	-	-	7.900.000	4.846.817.416	4.854.717.416	-	(3.918.317.416)
- Phải thu Ông Ngô Lê Quý	1.910.069.720	1.910.069.720	-	-	-	1.910.069.720	1.910.069.720	-	(1.057.319.720)
	6.764.787.136	6.764.787.136	-	-	7.900.000	6.756.887.136	6.764.787.136	-	(4.975.637.136)

(*) Các khoản phải thu dài hạn là khoản phải thu các nhà đầu tư theo hợp đồng dịch vụ hỗ trợ tài chính giữa nhà đầu tư và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy mà Công ty đã trả thay cho nhà đầu tư. Khoản phải thu nhà đầu tư được đảm bảo bằng tài sản hiện có trong tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và một số tài khoản bảo lãnh căn cứ theo hợp đồng ký quỹ giao dịch chứng khoán giữa nhà đầu tư và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản.

Tại ngày 31/12/2014, giá trị các tài sản bảo đảm cho khoản phải thu này bị sụt giảm giá trị so với giá trị phải thu, do đó Công ty đã trích lập dự phòng trên giá trị tài sản bảo đảm bị thâm hụt số tiền là 4.975.637.136 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	1.113.341.831	1.816.991.480	2.930.333.311
Thanh lý, nhượng bán	(106.720.356)	-	(106.720.356)
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.006.621.475</u>	<u>1.816.991.480</u>	<u>2.823.612.955</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	618.523.240	1.816.991.480	2.435.514.720
Trích khấu hao	185.556.972	-	185.556.972
Thanh lý, nhượng bán	(106.720.356)	-	(106.720.356)
Tại ngày 31/12/2014	<u>697.359.856</u>	<u>1.816.991.480</u>	<u>2.514.351.336</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	494.818.591	-	494.818.591
Tại ngày 31/12/2014	<u>309.261.619</u>	<u>-</u>	<u>309.261.619</u>

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	2.078.465.600	156.606.820	2.235.072.420
Mua sắm	224.819.800	-	224.819.800
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.303.285.400</u>	<u>156.606.820</u>	<u>2.459.892.220</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	1.665.817.563	156.606.820	1.822.424.383
Trích khấu hao	237.349.525	-	237.349.525
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.903.167.088</u>	<u>156.606.820</u>	<u>2.059.773.908</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	412.648.037	-	412.648.037
Tại ngày 31/12/2014	<u>400.118.312</u>	<u>-</u>	<u>400.118.312</u>

13 . TIỀN NỢ QUÝ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	446.138.865	308.935.179
Tiền lãi phân bổ trong năm	73.174.236	54.833.110
Số dư cuối năm	<u>639.313.101</u>	<u>483.768.289</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2014	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	13.358.498.481	309.498.635.054	(313.900.633.535)	8.956.500.000
Vay ngân hàng	13.358.498.481	295.181.635.054	(308.540.133.535)	-
Vay đối tượng khác ¹	-	14.317.000.000	(5.360.500.000)	8.956.500.000
	<u>13.358.498.481</u>	<u>309.498.635.054</u>	<u>(313.900.633.535)</u>	<u>8.956.500.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay đối tượng khác

Theo thỏa thuận vay nợ ngày 17 tháng 07 năm 2014 giữa Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản với các điều khoản chi tiết sau đây:

- + Hạn mức vay là 100.000.000.000 JPY hoặc số tiền tương đương bằng các loại ngoại tệ khác;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản;
- + Thời hạn hiệu lực của hợp đồng: 01 năm kể từ ngày 17/07/2014 đến 16/07/2015;
- + Thời hạn vay: dưới 01 năm;
- + Lãi suất cho vay: Từ 2,5%/năm đến 10%/năm được quy định chi tiết trong từng lần nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	744.067	801.784
Thuế Thu nhập cá nhân	249.428.336	182.444.043
	<u>250.172.403</u>	<u>183.245.827</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương tháng 13	512.532.055	452.629.390
Chi phí lãi vay phải trả	42.125.476	20.613.363
Phí giao dịch, phí lưu ký	82.217.741	85.464.844
Chi phí phải trả khác	135.499.028	205.795.760
	<u>772.374.300</u>	<u>764.503.357</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.948.690.425	13.267.237.998
Tiền chờ mua chứng khoán của tài khoản tách biệt	94.822.000	224.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.523.842	1.113.702
	<u>12.045.036.267</u>	<u>13.493.051.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	41.000.000.000	-	147.387.195	165.598.660	2.286.809.582	43.599.795.437
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.092.035.474	1.092.035.474
Phân phối lợi nhuận	-	-	114.340.479	114.340.479	(228.680.958)	-
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(1.640.000.000)	(1.640.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(114.340.479)	(114.340.479)
Thù lao trả cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	(114.340.479)	(114.340.479)
Tại ngày 31/12/2013	41.000.000.000	-	261.727.674	279.939.139	1.281.483.140	42.823.149.953
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(3.058.622.908)	(3.058.622.908)
Phân phối lợi nhuận	-	-	64.074.157	64.074.157	(128.148.314)	-
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(1.086.500.000)	(1.086.500.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(64.074.157)	(64.074.157)
Tại ngày 31/12/2014	41.000.000.000	-	325.801.831	344.013.296	(3.055.862.239)	38.613.952.888

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 15 tháng 03 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	1.281.483.140
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	64.074.157
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,00%	64.074.157
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	64.074.157
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	84,78%	1.086.500.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,22%	2.760.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	10,00%	4.100.000.000	10,00%	4.100.000.000
Công ty Chứng khoán Aizawa	14,50%	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000
Công ty TNHH Japan Asia Holdings Limited	0,00%	-	14,50%	5.945.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	14,50%	5.945.000.000	0,00%	-
Công ty TNHH Đầu tư Tanmark	20,00%	8.200.000.000	20,00%	8.200.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	41,00%	16.810.000.000	41,00%	16.810.000.000
	100%	41.000.000.000	100%	41.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	41.000.000.000	41.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.086.500.000	1.640.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.086.500.000	1.640.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . DOANH THU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu	20.463.127.780	16.529.930.826
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.525.767.077	9.266.074.074
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	48.749.713	30.019.472
- Doanh thu khác	10.888.610.990	7.233.837.280
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20.463.127.780	16.529.930.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.298.408.426	922.748.886
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	1.618.310	-
Chi phí khác	2.536.640.681	1.234.819.046
Chi phí trực tiếp chung	9.347.036.080	7.487.691.788
	13.183.703.497	9.645.259.720

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.502.496.142	3.609.969.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.556.972	192.563.856
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	4.993.722.329	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.595.404.812	1.525.874.833
Chi phí khác bằng tiền	59.266.936	97.215.649
	10.339.447.191	5.428.623.807

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.058.622.908)	1.456.047.299
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(3.058.622.908)	1.456.047.299
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20,00%	25,00%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	-	364.011.825
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	364.011.825
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(64.789.926)	(127.599.659)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(231.832.311)	(301.202.092)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(296.622.237)	(64.789.926)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(3.058.622.908)	1.092.035.474
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(3.058.622.908)	1.092.035.474
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(746)	266

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.665.361.117	-	8.744.643.554	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	34.697.063.701	(5.035.921.113)	26.164.878.884	(42.198.784)
Đầu tư ngắn hạn	6.215.395.742	-	34.130.954.463	-
	63.577.820.560	(5.035.921.113)	69.040.476.901	(42.198.784)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	8.956.500.000	13.358.498.481
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	12.045.036.267	13.493.051.700
Chi phí phải trả	772.374.300	764.503.357
	21.773.910.567	27.616.053.538

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.665.361.117	-	-	22.665.361.117
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	27.879.892.588	1.781.250.000	-	29.661.142.588
Đầu tư ngắn hạn	6.215.395.742	-	-	6.215.395.742
	56.760.649.447	1.781.250.000	-	58.541.899.447

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.744.643.554	-	-	8.744.643.554
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	19.357.892.964	6.764.787.136	-	26.122.680.100
Đầu tư ngắn hạn	34.130.954.463	-	-	34.130.954.463
	<u>62.233.490.981</u>	<u>6.764.787.136</u>	<u>-</u>	<u>68.998.278.117</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	8.956.500.000	-	-	8.956.500.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	12.045.036.267	-	-	12.045.036.267
Chi phí phải trả	772.374.300	-	-	772.374.300
	<u>21.773.910.567</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.773.910.567</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	13.358.498.481	-	-	13.358.498.481
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	13.493.051.700	-	-	13.493.051.700
Chi phí phải trả	764.503.357	-	-	764.503.357
	<u>27.616.053.538</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>27.616.053.538</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

25 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	11.948.690.425	13.267.237.998
	<u>11.948.690.425</u>	<u>13.267.237.998</u>

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới Chứng khoán	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	9.525.767.077	10.937.360.703	20.463.127.780
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.298.408.426	2.538.258.991	3.836.667.417
Chi phí không phân bổ	-	-	9.347.036.080
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>8.227.358.651</u>	<u>8.399.101.712</u>	<u>7.279.424.283</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	12.588.003.526	34.376.491.190	46.964.494.716
Tài sản không phân bổ	-	-	13.851.347.142
Tổng tài sản	<u>12.588.003.526</u>	<u>34.376.491.190</u>	<u>60.815.841.858</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11.948.690.425	-	11.948.690.425
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	10.253.198.545
Tổng nợ phải trả	<u>11.948.690.425</u>	<u>-</u>	<u>22.201.888.970</u>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Phí môi giới chứng khoán			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	343.474.560	331.896.824
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đồng góp vốn	1.901.685.548	2.076.255.475
Phí dịch vụ cung cấp thông tin			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	594.943.000	257.777.500
Vay vốn			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	14.317.000.000	-
Trả gốc vay			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	5.360.500.000	-
Lãi vay phát sinh			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	42.125.476	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu phí và thuế bán chứng khoán			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	14.285.995	15.586.639
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đồng góp vốn	120.851.926	108.330.389
Phải thu khác			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	165.351.000	20.094.000
Phải trả tiền vay			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	8.956.500.000	-
Phải trả lãi vay			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	42.125.476	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.062.203.839	1.068.495.209

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Khổng Thị Hương
Người lập

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng



Atsuhiko Haruyama
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN



Trang 46/46

TỔNG GIÁM ĐỐC
Atsuhiko Haruyama

